

Số: 56/2021/QĐST-DS

TB, ngày 19 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 185/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất; Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Đoàn Tất L, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện TB, tỉnh VL

Địa chỉ liên lạc: Số X, đường Q, phường Y, quận G, thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1951(chết tháng 12/2020)

Địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện TB, tỉnh VL

Người kế thừa, quyền nghĩa vụ tố tụng:

1. Anh Đoàn Tất L, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện TB, tỉnh VL

Địa chỉ liên lạc: Số X, đường Q, phường Y, quận G, thành phố H.

2. Chị Đoàn Thị Kiều T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp M1, xã T1, huyện T3, tỉnh VL

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

1. Ông Mai V, sinh năm 1961

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn D, huyện C, tỉnh HG.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô C, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số X đường Y, phường A, quận N, thành phố CT

2. Chị Đoàn Thị Kiều T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp M1, xã T1, huyện T3, tỉnh VL

3. Ông Lý Hồng D, sinh năm 1974

4. Bà Nguyễn T2, sinh năm 1936

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện TB, tỉnh VL.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Anh L là nguyên đơn và chị T với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án cũng như là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ cùng với ông Lý Hồng D, bà Nguyễn T2 và ông Mai V có ông C là đại diện theo ủy quyền cùng thống nhất diện tích đất theo kết quả khảo sát đo đạc của Tòa án ngày 02/6/2021 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện TB và Phòng tài nguyên và môi trường huyện TB diện tích bằng 1.663,1m² tại thửa 103 (407 + 408 + 409) tờ bản đồ số 29 (1), tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện TB, tỉnh VL.

Anh L đồng ý nhận phần đất có diện tích 830m² tại thửa 103- 1(407 -1 + 408- 1 + 409- 1) tờ bản đồ số 29 (1), tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện TB, tỉnh VL, từ mốc số 1, 2, 3, 4, 5, 1. Phía ông V có ông C đại diện theo ủy quyền cùng với chị T và ông Lý Hồng D, bà Nguyễn T2 đồng ý làm thủ tục sang tên tách bộ giao lại quyền sử dụng đất phần đất 830m² theo các mốc số trên cho anh L. *(Có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo)*

Anh L là nguyên đơn cùng chị T với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án cũng như là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ và ông Lý Hồng D, bà Nguyễn T2 cùng với ông V có ông C là đại diện theo ủy quyền thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phần đất 833,1m² còn lại tại thửa 103- 2(407- 2 + 408- 2 + 409- 2) tờ bản đồ số 29 (1), tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện TB, tỉnh VL. Anh L và chị T cùng với ông Lý Hồng D, bà Nguyễn T2 đồng ý làm thủ tục sang tên tách bộ giao lại quyền sử dụng đất phần đất 833,1m² tại thửa 103- 2(407- 2 + 408- 2 + 409- 2) tờ bản đồ số 29 (1) từ mốc số 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 3, 2, 6 cho ông Mai V. *(Có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo)*.

(Các đương sự có tên nêu trên có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên tách bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật được đưa ra thi hành)

2.2 Đối với số tiền 300.000.000 đồng ông Đ đã nhận của ông V: Ông C đại diện ông V và anh L thỏa thuận, anh L sẽ hoàn lại cho ông V 100.000.000 đồng. *(Thời gian giao số tiền 100.000.000 đồng là khi anh L đã được nhận đất).*

2.3 Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí đã thực hiện là 6.000.000 đồng, các đương sự thống nhất như sau:

- Anh L tự nguyện chịu phần chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000 đồng, anh L được nhận lại 2.000.000 đồng. *(Đã nhận xong)*

- Chị T tự nguyện tự nguyện chịu phần chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000 đồng. *(Đã nộp xong)*

- Ông Mai V tự nguyện chịu phần chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000 đồng. *(Đã nộp xong)*

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Theo biên bản thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì các bên thống nhất giá đất tại thời điểm hiện tại theo giá nhà nước quy định là 70.000 đồng/m², phần đất anh L được hưởng có tổng diện tích là 830m² x 70.000 đồng = 58.100.000 đồng x 2,5% = 1.452.500 đồng. Anh L phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản mình được nhận bằng 1.452.500 đồng và án phí đối với việc thực hiện nghĩa vụ giao trả cho ông V 100.0000.000 đồng bằng 2.500.000 đồng. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh L phải nộp bằng 3.952.500 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.550.000 đồng theo biên lai thu số 0012189 ngày 22/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB nên còn phải nộp thêm số tiền 1.402.500 đồng.

- Đối với phần đất 833,1m² các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cho ông Mai V thuộc trường hợp án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng. Ông Mai V tự nguyện nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền án phí dân sự đã tạm ứng là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010288 ngày 03/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hồ Kim Liên